



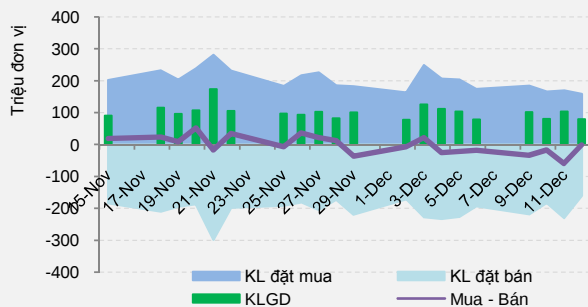
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 12/12/2013

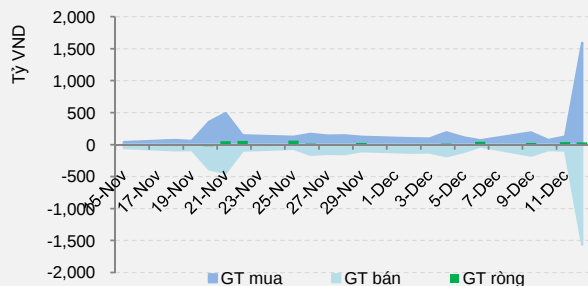
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	506.9	66.0
% Thay đổi	↑ 0.3%	↑ 0.6%
KLGD (CP)	80,162,230	37,831,485
GTGD (tỷ đồng)	2,440.59	293.03
Tổng cung (CP)	159,560,870	59,182,700
Tổng cầu (CP)	158,328,120	67,954,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	12,328,530	299,300
KL mua (CP)	12,924,140	1,666,900
GTmua (tỷ đồng)	1,594.72	20.89
GT bán (tỷ đồng)	1,561.33	1.83
GT ròng (tỷ đồng)	33.39	19.06

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.14%	7.1	1.6	1.0%
Công nghiệp	↑ 1.00%	238.7	1.1	11.8%
Dầu khí	↑ 0.55%	7.5	1.4	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.72%	14.0	1.8	1.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.39%	8.7	2.9	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.10%	12.6	5.2	59.6%
Ngân hàng	↓ -0.17%	10.8	1.3	2.9%
Nguyên vật liệu	↑ 0.02%	10.1	2.0	3.5%
Tài chính	↑ 0.57%	15.7	2.5	13.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.76%	8.8	3.2	3.7%
VN - Index	↑ 0.32%	12.8	3.0	89.3%
HNX - Index	↑ 0.61%	16.8	1.6	10.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	424,620	0.5%	1,893,150	2.4%
GTGD (triệu VND)	9,526	0.4%	33,146	1.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: VN-Index tăng điểm trở lại sau phiên giảm mạnh trước đó, khi tiếp cận mốc hỗ trợ kỹ thuật 503 điểm. Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ trở lại khi tiếp cận mốc hỗ trợ kỹ thuật 65 điểm. Đà tăng của thị trường chung được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu lớn (BVH, GAS, MSN). Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ thuộc ngành BĐS, chứng khoán khá nhạy với xu hướng, với mức tăng nhẹ ngay từ đầu phiên.

Mức độ tăng và độ rộng thị trường có cải thiện dần về cuối phiên. Tuy nhiên xét cả thị trường chung, tâm lý nhà đầu tư còn thận trọng, áp lực cung giá cao không nhỏ. Mức tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm, dựa vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, chưa cho tín hiệu đủ tích cực về lực cầu.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tại ngưỡng cản kỹ thuật. Mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 503-505 điểm đối với VN-Index, 63-64 điểm đối với HNX-Index. Dòng tiền sau thời gian thị trường tăng điểm từ nửa cuối tháng 9, dự báo sẽ có xu hướng thận trọng hơn, quan tâm đến KQKD của doanh nghiệp. Tâm lý đầu tư ngược ETF, chờ mua cổ phiếu tốt tại mức giá hấp dẫn, thuộc diện quỹ ETF bán ra dự kiến cũng vẫn duy trì.

- VN-Index tăng 1.61 điểm (0.32%), lên 506.92 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 503.76 điểm.

- HNX-Index tăng 0.40 điểm (0.60%), lên 65.97 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 65.35 điểm.

- NHNN Chi nhánh TP.HCM sẽ kiến nghị NHNN gia hạn thời gian thực hiện việc cho vay mới đối với doanh nghiệp có nợ xấu kéo dài sang năm 2014. Trước đó, NHNN ban hành công văn cho phép NHTM cho doanh nghiệp có nợ xấu được tiếp tục vay vốn từ tháng 10/2013, có hiệu lực đến hết năm 2013. Nguyên nhân do thời hạn triển khai ngắn khiến đa phần các doanh nghiệp không chuẩn bị kịp hồ sơ vay. Hiện chưa có ngân hàng nào báo cáo về việc đã cho vay theo chủ trương này.

- Từ ngày 1/2/2014, doanh nghiệp nhà nước được quyền bán nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được trên nguyên tắc đã trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định. Theo Bộ Tài chính, báo cáo hợp nhất của các tập đoàn, tổng công ty có tổng số nợ phải thu năm 2012 là gần 276 nghìn tỉ đồng. Trong đó nợ phải thu khó đòi là 13,490 tỉ đồng, tăng gần 10 nghìn tỉ đồng so với năm 2011. Số nợ phải thu khó đòi chiếm 4.89% tổng số nợ phải thu. Hiện các tập đoàn, tổng công ty đã trích lập 9,220 tỉ đồng dự phòng nợ phải thu khó đòi để xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định. Hiện tại, các khoản nợ của DNNN hầu hết không có TSĐB, và được SCIC mua với giá 10%-30% giá trị sổ sách.

- Ngày 10/12/2013, NHNN có công văn số 9312 yêu cầu tăng cường thanh tra, kiểm tra các TCTD cho vay lãi suất thấp hơn lãi suất huy động. Cơ sở của yêu cầu này do đã xuất hiện hiện tượng cạnh tranh lãi suất đầu ra giữa các TCTD, một số TCTD chấp nhận cho vay với lãi suất thấp hơn lãi suất huy động, có thể tạo ra rủi ro cho chính các TCTD.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 1.61 điểm (0.32%), lên 506.92 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 503.76 điểm.

- KLGD giảm 33% so với phiên trước, xuống 67 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 52 điểm, tâm lý thị trường vẫn khá thận trọng. Chỉ báo MACD 9 ngày đã cắt xuống dưới đường tín hiệu, cho chỉ báo về xu hướng điều chỉnh kỹ thuật.

Nhận định: VN-Index tăng điểm trở lại sau phiên giảm mạnh trước đó, khi tiếp cận mốc hỗ trợ kỹ thuật 503 điểm. Đà tăng của thị trường chung được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu lớn (BVH, GAS, MSN). Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ thuộc ngành BĐS, chứng khoán khá nhạy với xu hướng, với mức tăng nhẹ ngay từ đầu phiên. Mức độ tăng và độ rộng thị trường có cải thiện dần về cuối phiên. Tuy nhiên xét cả thị trường chung, tâm lý nhà đầu tư còn thận trọng, áp lực cung giá cao không nhỏ. Mức tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm, dựa vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, chưa cho tín hiệu đủ tích cực về lực cầu.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh với mốc hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 503-505 điểm. Dòng tiền sau thời gian thị trường tăng điểm từ nửa cuối tháng 9, dự báo sẽ có xu hướng thận trọng hơn, quan tâm đến KQKD của doanh nghiệp. Tâm lý đầu tư ngược ETF, chờ mua cổ phiếu tốt tại mức giá hấp dẫn, thuộc diện quỹ ETF bán ra dự kiến cũng vẫn duy trì.

Chúng tôi bảo lưu quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Mốc 513 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cần quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index tăng 0.40 điểm (0.60%), lên 65.97 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 65.35 điểm.

- KLGD giảm 32% so với phiên trước, xuống 33 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng nhẹ lên mức 69 điểm. Chỉ báo MACD 9 ngày đã cắt xuống dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ trở lại khi tiếp cận mốc hỗ trợ kỹ thuật 65 điểm. Tính chung, tâm lý nhà đầu tư còn khá thận trọng, thị trường giao dịch hẹp với thanh khoản thấp trong đa số thời gian giao dịch. Mức độ tăng điểm của HNX-Index có cải thiện về cuối phiên, dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu chứng khoán, xây dựng, dầu khí... Tuy nhiên, phiên tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm, dựa vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, chưa cho tín hiệu đủ tích cực về lực cầu.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tại ngưỡng cân kỹ thuật 66 điểm. Mốc hỗ trợ kỹ thuật đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 63-64 điểm. Mốc 66 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cần quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

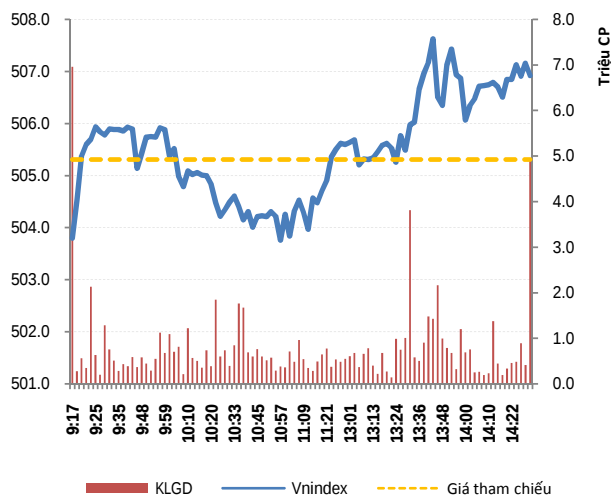
Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

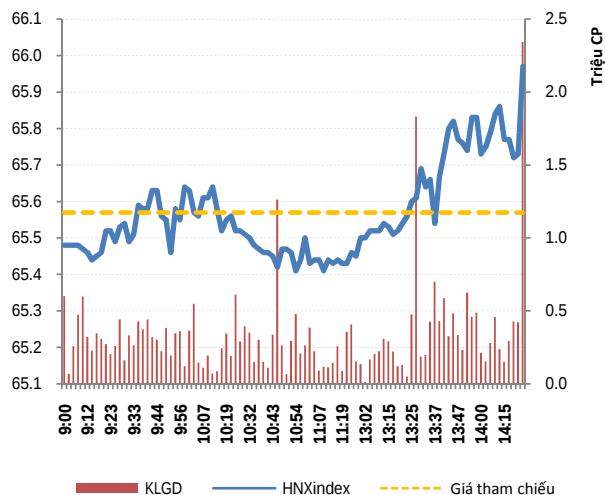
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



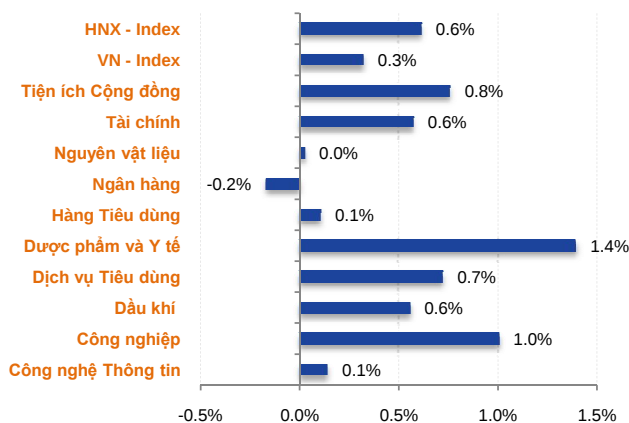
KLGD và VN-Index trong phiên



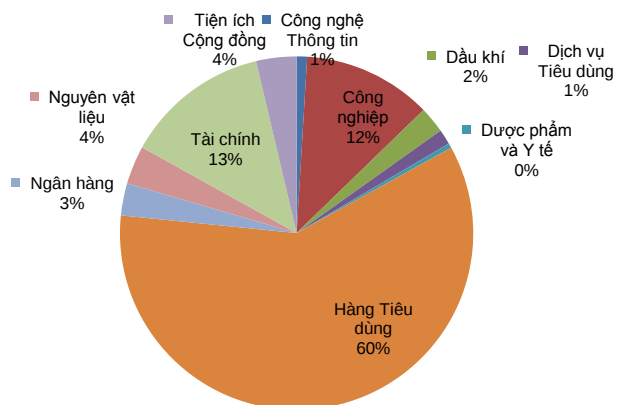
KLGD và HNX-Index trong phiên



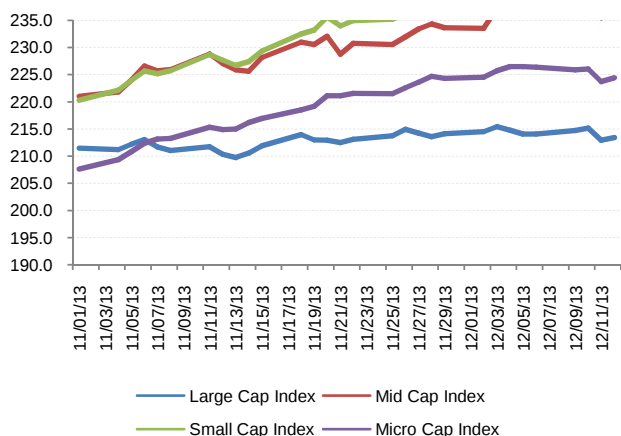
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



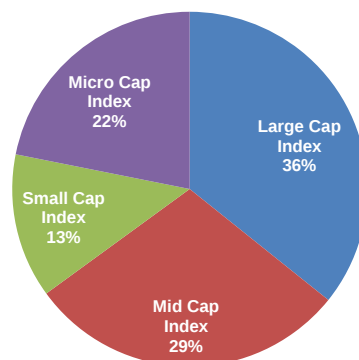
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GMD	373,250	CII	350,100
2	PVD	348,830	PVT	242,000
3	DIG	200,000	VCB	205,580
4	VSH	191,870	PPC	197,060
5	KBC	79,900	TDH	73,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	707,600	VIG	61,000
2	SHB	574,400	IDJ	50,000
3	PVX	84,700	SHN	50,000
4	DBC	40,000	SCR	25,000
5	VCG	31,200	HPC	20,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VNM	141.0	140.0	↓ -0.71%	10,127,110
FLC	8.6	9.2	↑ 6.98%	5,695,770
ITA	6.4	6.4	→ 0.00%	3,280,460
REE	29.4	29.7	↑ 1.02%	2,596,780
MCG	5.7	5.9	↑ 3.51%	2,577,620

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.9	6.9	↓ -0.19%	5,215,198
SHN	1.6	1.7	↑ 3.31%	4,543,130
SCR	6.7	6.7	↑ 0.09%	3,178,810
PVS	18.4	18.3	↓ -0.36%	1,545,778
VCG	10.4	10.4	↑ 0.18%	1,428,138

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FLC	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
PAN	32.2	34.4	2.2	↑ 6.83%
CLC	25.4	27.1	1.7	↑ 6.69%
SHI	4.5	4.8	0.3	↑ 6.67%
VID	4.6	4.9	0.3	↑ 6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTP	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
GMX	12.4	13.6	1.2	↑ 9.68%
MMC	3.3	3.6	0.3	↑ 9.09%
DNM	23.3	25.3	2.0	↑ 8.58%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPH	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
TSC	8.6	8.0	-0.6	↓ -6.98%
GIL	28.0	26.1	-1.9	↓ -6.79%
HOT	27.0	25.2	-1.8	↓ -6.67%
VHG	7.5	7.0	-0.5	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDT	36.5	32.9	-3.6	↓ -9.86%
TAG	43.9	39.6	-4.3	↓ -9.79%
DST	5.0	4.5	-0.5	↓ -9.72%
SFN	13.6	12.3	-1.3	↓ -9.56%
SAF	40.9	37.0	-3.9	↓ -9.54%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	10,127,110	40.5%	8,053	17.4	6.9
FLC	5,695,770	6.3%	990	9.3	0.6
ITA	3,280,460	0.2%	26	248.4	0.6
REE	2,596,780	23.6%	4,152	7.2	1.6
MCG	2,577,620	0.3%	42	139.4	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	5,215,198	17.1%	1,884	3.7	0.6
SHN	4,543,130	-135.7%	(2,464)	-	2.1
SCR	3,178,810	-1.1%	(160)	-	0.5
PVS	1,545,778	17.3%	2,872	6.5	1.1
VCG	1,428,138	3.4%	403	26.1	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	↑ 7.0%	6.3%	990	9.3	0.6
PAN	↑ 6.8%	8.2%	2,523	13.6	1.2
CLC	↑ 6.7%	30.2%	5,909	4.6	1.3
SHI	↑ 6.7%	0.4%	63	76.5	0.3
VID	↑ 6.5%	-17.0%	(1,581)	-	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HTP	↑ 10.0%	3.9%	461	14.3	0.6
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
GMX	↑ 9.7%	16.0%	2,238	6.1	1.0
MMC	↑ 9.1%	-19.0%	(1,873)	-	0.4
DNM	↑ 8.6%	30.4%	5,394	4.7	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	373,250	4.3%	1,729	19.7	0.9
PVD	348,830	20.2%	6,608	9.2	1.7
DIG	200,000	0.2%	28	435.4	0.7
VSH	191,870	7.7%	963	15.0	1.1
KBC	79,900	-8.6%	(1,156)	-	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	707,600	17.3%	2,872	6.5	1.1
SHB	574,400	17.1%	1,884	3.7	0.6
PVX	84,700	-92.1%	(5,013)	-	0.6
DBC	40,000	5.6%	1,482	13.6	0.8
VCG	31,200	3.4%	403	26.1	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	122,228	40.9%	6,696	9.6	3.7
VNM	116,686	40.5%	8,053	17.4	6.9
VIC	64,974	47.1%	6,710	10.7	4.0
MSN	63,937	2.7%	556	156.5	4.4
CTG	62,926	16.0%	2,287	7.4	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	7.5%	1,027	15.2	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,353	17.3%	2,872	6.5	1.1
SHB	6,114	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,160	5.9%	687	37.5	2.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	5.17	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
CLG	2.70	12.5%	1,402	6.8	0.8
DRH	2.68	-5.1%	(504)	-	0.2
TNT	2.54	-2.5%	(297)	-	0.2
AGF	2.53	6.2%	2,900	6.2	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	9.37	-0.2%	(21)	-	0.4
GGG	6.75	-566.7%	(1,900)	-	384.3
ITQ	6.31	0.4%	42	128.2	0.5
PVA	5.95	-142.4%	(6,367)	-	0.8
PFL	5.72	-16.1%	(1,522)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)